

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1466 /QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 10 tháng 10 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

**Danh mục chi tiết các loại hình, tiêu chí quy mô,
tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực
giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này danh mục chi tiết các loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường được hưởng chính sách khuyến khích phát triển xã hội hóa theo quy định của Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ.

Trong quá trình thực hiện, các danh mục nêu tại Điều này sẽ được xem xét, điều chỉnh, bổ sung bảo đảm phù hợp với yêu cầu thực hiện xã hội hóa và sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 3. Bộ trưởng các Bộ: Giáo dục và Đào tạo, Lao động - Thương binh và Xã hội, Y tế, Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Tài nguyên và Môi trường theo chức năng quản lý nhà nước được phân công, chịu trách nhiệm hướng dẫn cụ thể về tiêu chuẩn, điều kiện thành lập của các cơ sở thực hiện xã hội hóa và thứ tự ưu tiên trong từng lĩnh vực thuộc danh mục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- VP BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- BQL KKTCKQT Bờ Y;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KGVX (5b). XH **295**



Nguyễn Thiện Nhân



DANH MỤC

Loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở được hưởng
chính sách khuyến khích phát triển xã hội hoá theo Nghị định số 69/2008/NĐ-CP
của Thủ tướng Chính phủ kèm theo Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ)

I. Danh mục loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục

A. Đối với giáo dục mầm non, phổ thông

Cơ sở giáo dục	Quy mô tối thiểu	Số trẻ, học sinh tối đa/1 lớp, nhóm trẻ	Diện tích đất tối thiểu	Tiêu chuẩn	Điều kiện để được ưu đãi
Trường mầm non				Điều lệ trường mầm non theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07 tháng 4 năm 2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo	Thẩm định thành lập, định kỳ kiểm tra
Thành phố, thị xã	100 trẻ	3 - 12 tháng tuổi: 15 trẻ; 13 - 24 tháng tuổi: 20 trẻ 25 - 36 tháng tuổi: 25 trẻ	8 m ² /trẻ		Đảm bảo huy động ổn định ít nhất 3 năm. Hàng năm huy động tối thiểu đạt 100 trẻ
Nông thôn, miền núi	50 trẻ	3 - 4 tuổi: 25 trẻ 4 - 5 tuổi: 30 trẻ 5 - 6 tuổi: 35 trẻ	12 m ² /trẻ		Đảm bảo huy động ổn định ít nhất 3 năm. Hàng năm huy động tối thiểu đạt 50 trẻ
Trường tiểu học				Điều lệ trường tiểu học theo Quyết định số 51/2007/QĐ-BGDĐT ngày 31 tháng 8 năm 2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo	Thẩm định thành lập, định kỳ kiểm tra

Thành phố, thị xã	10 lớp	35	6m ² /học sinh		Đảm bảo nhập học ổn định ít nhất 4 năm. Hàng năm nhập học tối thiểu là 4 lớp
Nông thôn, miền núi	5 lớp	35	10m ² /học sinh		Đảm bảo nhập học ổn định ít nhất 4 năm. Hàng năm nhập học tối thiểu là 2 lớp
Trường trung học cơ sở				Điều lệ trường trung học cơ sở theo Quyết định số 07/2007/QĐ-BGDĐT ngày 02 tháng 4 năm 2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo	Thẩm định thành lập, định kỳ kiểm tra
Thành phố, thị xã	8 lớp	45	6m ² /học sinh		Đảm bảo nhập học ổn định ít nhất 4 năm. Hàng năm nhập học tối thiểu là 4 lớp
Nông thôn, miền núi	4 lớp	45	10m ² /học sinh		Đảm bảo nhập học ổn định ít nhất 4 năm. Hàng năm nhập học tối thiểu là 2 lớp
Trường trung học phổ thông				Điều lệ trường trung học phổ thông theo Quyết định số 07/2007/QĐ-BGDĐT ngày 02 tháng 4 năm 2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo	Thẩm định thành lập, định kỳ kiểm tra
Thành phố, thị xã	6 lớp	45	6m ² /học sinh		Đảm bảo nhập học ổn định ít nhất 3 năm. Hàng năm nhập học tối thiểu đạt 4 lớp
Nông thôn, miền núi	3 lớp	45	10m ² /học sinh		Đảm bảo nhập học ổn định ít nhất 3 năm. Hàng năm nhập học tối thiểu đạt 2 lớp

B. Đối với đào tạo nghề nghiệp

Cơ sở đào tạo	Ngành nghề đào tạo	Quy mô tối thiểu	Tỷ lệ tối đa học sinh, sinh viên/giảng viên	Diện tích đất tối thiểu	Tiêu chuẩn	Điều kiện để được ru đãi
Trường trung cấp chuyên nghiệp		200 học sinh		30 m ² /học sinh (theo TCXDVN 275:2002 tại Quyết định số 21/2002/QĐ-BXD ngày 09 tháng 7 năm 2002 của Bộ Xây dựng)	Điều lệ trường trung cấp chuyên nghiệp tại Quyết định số 43/2008/QĐ-BGDĐT ngày 29 tháng 7 năm 2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo	Thẩm định thành lập, định kỳ kiểm tra. Đảm bảo tuyển sinh ổn định ít nhất 3 năm. Hàng năm tuyển sinh tối thiểu 100 học sinh
	Kinh tế, luật, du lịch, dịch vụ		30			
	Kỹ thuật, công nghệ		25			
	Nông lâm, thủy sản		25			
	Y, dược		20			
	Thể dục thể thao, nghệ thuật		20			
	Sư phạm		30			

Trường cao đẳng		300 sinh viên		55 m ² /sinh viên	Điều lệ trường cao đẳng theo Quyết định số 56/2003/QĐ-BGD&ĐT ngày 10 tháng 12 năm 2003 của Bộ Giáo dục và Đào tạo	Thẩm định thành lập, định kỳ kiểm tra. Đảm bảo tuyển sinh ổn định ít nhất 3 năm. Hàng năm tuyển sinh tối thiểu 100 sinh viên
	Khoa học xã hội nhân văn, kinh tế, luật		25			
	Khoa học tự nhiên		22			
	Kỹ thuật, công nghệ		20			
	Nông lâm, thủy sản		20			
	Y, dược		15			
	Thể dục thể thao, nghệ thuật		15			
	Sư phạm		22			

Trường đại học		300 sinh viên		55 m²/sinh viên (TCVN 3981: 1985 tại Thông tư số 12/BXD-KHCN ngày 24 tháng 4 năm 1995 của Bộ Xây dựng)	Điều lệ trường đại học tại Quyết định số 153/2003/QĐ-TTg ngày 30 tháng 7 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ	Thẩm định thành lập, định kỳ kiểm tra. Đảm bảo tuyển sinh ổn định ít nhất 3 năm. Hàng năm tuyển sinh tối thiểu 200 sinh viên
	Khoa học xã hội nhân văn, kinh tế, luật		25			
	Khoa học tự nhiên		20			
	Kỹ thuật, công nghệ		20			
	Nông lâm, thủy sản		20			
	Y, dược		15			
	Thể dục thể thao, nghệ thuật		10			
	Sư phạm		22			

C. Đối với các cơ sở cung cấp dịch vụ phục vụ giáo dục đào tạo

Đơn vị/vùng, miền	Các tiêu chí phải đạt			Điều kiện
	Quy mô	Pháp lý	Tiêu chuẩn	
1. Cơ sở dịch vụ ăn uống cho học sinh, sinh viên				
a) Miền núi và nông thôn	<ul style="list-style-type: none"> - Đáp ứng từ 50 học sinh phổ thông nội trú, 80 học sinh trung cấp chuyên nghiệp, 100 sinh viên đại học và cao đẳng trở lên. 	<ul style="list-style-type: none"> - Thành lập theo quy định của pháp luật. Có tư cách pháp nhân đầy đủ. - Có đăng ký hoạt động tại cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. 	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng lao động làm việc không có bệnh nguy hiểm, bệnh truyền nhiễm, bệnh kinh niên. - Đảm bảo các tiêu chuẩn vệ sinh dịch tễ, an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế. - Chịu sự kiểm tra, giám sát thường xuyên về vệ sinh thực phẩm của cơ quan y tế. 	Hoạt động trong khuôn viên nhà trường
b) Thành phố, thị xã	<ul style="list-style-type: none"> - Đáp ứng từ 80 học sinh phổ thông nội trú, 100 học sinh trung cấp chuyên nghiệp, 150 sinh viên đại học và cao đẳng trở lên 	<ul style="list-style-type: none"> - Có điều lệ tổ chức hoạt động minh bạch và phù hợp với tôn chỉ, mục đích của đơn vị hoạt động cung ứng dịch vụ công cộng. 		

2. Cơ sở dịch vụ nhà ở cho học sinh, sinh viên				
a) Miền núi và nông thôn	<ul style="list-style-type: none"> - Đáp ứng từ 30 học sinh phổ thông nội trú, 50 học sinh trung cấp chuyên nghiệp, 80 sinh viên đại học và cao đẳng trở lên 	<ul style="list-style-type: none"> - Thành lập theo quy định của pháp luật. Có tư cách pháp nhân đầy đủ. - Có đăng ký hoạt động tại cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo đúng diện tích về đất, tiêu chuẩn xây dựng nhà ở cho học sinh, sinh viên theo quy định của Bộ Xây dựng. - Đảm bảo đủ các trang thiết bị về giường nằm cá nhân và điện, nước sinh hoạt. - Đảm bảo các tiêu chuẩn về an ninh, trật tự xã hội; phòng cháy và chữa cháy; cấp cứu theo quy định của các cấp có thẩm quyền ban hành. 	<p>Cơ sở ký túc xá nằm trong khuôn viên của trường hoặc nằm ngoài khuôn viên của trường nhưng trong quy hoạch của cơ quan có thẩm quyền làm khu ký túc xá tập trung, có Giấy phép đăng ký kinh doanh về dịch vụ nhà ở cho sinh viên</p>
b) Thành phố, thị xã	<ul style="list-style-type: none"> - Đáp ứng từ 50 học sinh phổ thông nội trú, 80 học sinh trung cấp chuyên nghiệp, 100 sinh viên đại học và cao đẳng trở lên 	<ul style="list-style-type: none"> - Có điều lệ tổ chức hoạt động minh bạch và phù hợp với tôn chỉ, mục đích của đơn vị hoạt động cung ứng dịch vụ công cộng. 		
3. Trung tâm kiểm định chất lượng đào tạo (đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp, dạy nghề và giáo dục phổ thông)	<ul style="list-style-type: none"> - Có 10 người làm việc trở lên 	<ul style="list-style-type: none"> - Được thành lập theo quy định của pháp luật. - Có đăng ký hoạt động tại cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. - Có Điều lệ hoạt động minh bạch, phù hợp với mục đích đơn vị dịch vụ công. 	<ul style="list-style-type: none"> - Người lao động được đào tạo về kiểm định và phù hợp về trình độ chuyên môn theo quy định chức danh của các lĩnh vực đảm bảo kiểm định. - Sử dụng bộ tiêu chí kiểm định đảm bảo tính pháp lý. - Chịu kiểm tra, giám sát của cơ quan chuyên môn. 	

4. Trung tâm hỗ trợ đào tạo và cung ứng nguồn nhân lực	- Có 20 người làm việc trở lên	<ul style="list-style-type: none"> - Được thành lập theo quy định của pháp luật. - Có đăng ký hoạt động tại cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. - Có điều lệ hoạt động minh bạch và phù hợp với tôn chỉ, mục đích của đơn vị dịch vụ công. 	<ul style="list-style-type: none"> - 100% lao động đã qua đào tạo và phù hợp về trình độ, chuyên môn theo các lĩnh vực hỗ trợ và cung ứng. - Đảm bảo các tiêu chí về đất đai, trang thiết bị, diện tích xây dựng theo quy định của cấp có thẩm quyền ban hành áp dụng đối với từng loại quy mô. 	
5. Cơ sở đầu tư hạ tầng giáo dục và đào tạo				
a) Miền núi và nông thôn	- Có từ 30 lao động trở lên	<ul style="list-style-type: none"> - Được thành lập và hoạt động trong khuôn khổ quy định của pháp luật; - Có đăng ký hoạt động tại cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. 	<ul style="list-style-type: none"> - Ít nhất 50% số lao động đã qua đào tạo. - Giá trị dự án đầu tư từ 2 tỷ đồng Việt Nam trở lên. 	
b) Thành phố và thị xã	- Có từ 50 lao động trở lên	<ul style="list-style-type: none"> - Được thành lập và hoạt động trong khuôn khổ quy định của pháp luật; - Có đăng ký hoạt động tại cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. 	<ul style="list-style-type: none"> - Ít nhất 70% số lao động đã qua đào tạo. - Giá trị dự án đầu tư từ 5 tỷ đồng Việt Nam trở lên. 	
6. Cơ sở sản xuất trang, thiết bị trường học và đồ chơi trẻ em	- Có từ 35 lao động trở lên	<ul style="list-style-type: none"> - Được thành lập theo quy định của pháp luật. - Có đăng ký hoạt động tại cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. 	<ul style="list-style-type: none"> - Giá trị sản lượng sản xuất từ 1,5 tỷ đồng Việt Nam trở lên/1 năm. - Hoạt động ổn định ít nhất trong 3 năm. 	

II. Danh mục loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực dạy nghề

Loại hình	Quy hoạch mạng lưới	Quy mô đào tạo tối thiểu	Cơ sở vật chất, trang thiết bị	Diện tích đất sử dụng tối thiểu	Tiêu chuẩn thiết kế	Số lượng nghề đào tạo	Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên
Cao đẳng nghề	Phù hợp với quy hoạch mạng lưới trường cao đẳng nghề, trường trung cấp nghề và trung tâm dạy nghề	200 học sinh, sinh viên	Có cơ sở vật chất, trang thiết bị phù hợp với ngành nghề, quy mô và trình độ đào tạo	20.000m ² đối với khu vực đô thị, 40.000 m ² đối với khu vực ngoài đô thị	Được thiết kế xây dựng theo Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam TCXD VN 60: 2003 “Trường dạy nghề - Tiêu chuẩn thiết kế” được ban hành kèm theo Quyết định số 21/2003/QĐ-BXD ngày 28 tháng 7 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng	Số lượng nghề đào tạo ở trình độ cao đẳng nghề tối thiểu là 3 nghề	Có đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên đạt tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật
Trung cấp nghề		100 học sinh		10.000 m ² đối với khu vực đô thị, 30.000 m ² đối với khu vực ngoài đô thị		Số lượng nghề đào tạo ở trình độ trung cấp nghề tối thiểu là 3 nghề	
Trung tâm dạy nghề		50 học sinh		1.000 m ² đối với khu vực đô thị, 2.000 m ² đối với khu vực ngoài đô thị	Diện tích phòng học lý thuyết tối thiểu đạt 1,3 m ² /01 học sinh quy đổi; diện tích cơ sở thực hành tối thiểu đạt 2,5 m ² / 01 học sinh quy đổi;	Có chương trình dạy nghề theo quy định	

III. Danh mục loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực y tế

A. Danh mục loại hình, quy mô, tiêu chí về tiêu chuẩn khuyến khích xã hội hoá trong lĩnh vực y tế

1. Cơ sở khám, chữa bệnh:

1.1. Bệnh viện, viện có giường bệnh, cơ sở điều dưỡng và phục hồi chức năng:

1.1.1. Loại hình, quy mô:

(a) Bệnh viện đa khoa: quy mô từ 31 giường bệnh trở lên; riêng đối với các cơ sở tại Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Đà Nẵng phải có quy mô từ 100 giường bệnh trở lên.

(b) Bệnh viện chuyên khoa (kể cả cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người tàn tật, trẻ em, người già, người bị bệnh tâm thần, HIV/AIDS, phong): quy mô từ 21 giường bệnh trở lên; Riêng đối với các cơ sở tại Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Đà Nẵng phải có quy mô từ 50 giường bệnh trở lên.

1.1.2. Tiêu chí về các tiêu chuẩn đối với cơ sở khám, chữa bệnh:

(a) Về nhân lực: theo quy định của cấp có thẩm quyền ban hành. (Hiện nay đang áp dụng theo Thông tư liên tịch số 08/2007/TTLT-BYT-BNV ngày 05 tháng 6 năm 2007 của Bộ Y tế và Bộ Nội vụ).

(b) Tiêu chí về đất, diện tích xây dựng, trang thiết bị y tế:

- Đất và diện tích xây dựng: theo quy định của cấp có thẩm quyền ban hành áp dụng đối với từng quy mô (hiện nay đang theo Quyết định số 18/2007/QĐ-BXD ngày 15 tháng 5 năm 2007 của Bộ Xây dựng về việc ban hành tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam: TCXDVN 365:2007 “Bệnh viện đa khoa - Hướng dẫn thiết kế” và các quy định hiện hành khác).

- Trang thiết bị: phải đáp ứng điều kiện chuyên môn theo quy định hiện hành (hiện nay đang theo quy định tại Quyết định số 437/QĐ-BYT ngày 20 tháng 02 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế).

1.2. Phòng khám: chỉ ưu đãi đối với địa bàn kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và địa bàn kinh tế - xã hội khó khăn.

1.2.1. Loại hình, quy mô:

(a) Phòng khám chuyên khoa; phòng chẩn trị y học cổ truyền

(b) Phòng khám đa khoa (có từ 4 chuyên khoa trở lên) và tối thiểu có 10 giường lưu tại các địa bàn kinh tế xã hội khó khăn¹; phòng khám đa khoa (có từ 3 chuyên khoa trở lên) và tối thiểu 8 giường lưu tại các địa bàn kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn.

(c) Trung tâm tư vấn về sức khoẻ và kế hoạch hoá gia đình: quy mô có từ 10 cán bộ làm việc 100 % thời gian trở lên; riêng đối với các đơn vị tại Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Đà Nẵng phải có từ 15 cán bộ làm việc 100% thời gian trở lên.

1.2.2. Tiêu chí về các tiêu chuẩn đối với phòng khám bệnh:

(a) Về nhân lực: theo quy định của cấp có thẩm quyền ban hành. (Hiện nay đang áp dụng theo Thông tư số 07/2007/TT-BYT ngày 25 tháng 5 năm 2007 của Bộ Y tế).

(b) Tiêu chí về đất, diện tích xây dựng, trang thiết bị y tế:

- Đất và diện tích xây dựng: theo quy định của cấp có thẩm quyền áp dụng đối với từng quy mô. (Hiện nay theo Thông tư số 07/2007/TT-BYT ngày 25 tháng 5 năm 2007 của Bộ Y tế).

- Trang thiết bị: trang thiết bị y tế phải đáp ứng điều kiện chuyên môn do cấp có thẩm quyền ban hành (hiện nay đang áp dụng theo Thông tư số 07/2007/TT-BYT ngày 25 tháng 5 năm 2007 của Bộ Y tế).

2. Các cơ sở y tế dự phòng

2.1. Loại hình, quy mô:

(a) Cơ sở cung cấp dịch vụ tiêm phòng ở người; dịch vụ xét nghiệm, kiểm nghiệm thuộc lĩnh vực y tế dự phòng: quy mô có từ 10 cán bộ làm việc 100 % thời gian trở lên; riêng đối với các đơn vị tại Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Đà Nẵng phải có từ 15 cán bộ làm việc 100% thời gian trở lên.

(b) Cơ sở cung cấp dịch vụ phun hoá chất diệt khuẩn, diệt côn trùng; dịch vụ tư vấn phòng bệnh; dịch vụ tư vấn vệ sinh môi trường; dịch vụ thông tin và giáo dục sức khoẻ: quy mô có từ 5 cán bộ làm việc 100 % thời gian trở lên; riêng đối với các đơn vị tại Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Đà Nẵng phải có từ 10 cán bộ làm việc 100% thời gian trở lên.

¹ Tương đương với phòng khám đa khoa khu vực tại các địa bàn miền núi, vùng sâu, vùng xa hiện nay

(c) Cơ sở tư vấn, chăm sóc và hỗ trợ cho người nhiễm HIV/AIDS: quy mô có từ 10 cán bộ làm việc 100 % thời gian trở lên; riêng đối với các đơn vị tại Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Đà Nẵng phải có từ 15 cán bộ làm việc 100% thời gian trở lên.

2.2. Tiêu chí về tiêu chuẩn đối với cơ sở y tế dự phòng: theo tiêu chí và tiêu chuẩn do cấp có thẩm quyền ban hành đối với từng loại hình hoạt động.

3. Vệ sinh an toàn thực phẩm, dược và mỹ phẩm:

3.1. Loại hình, quy mô:

(a) Cơ sở cung cấp dịch vụ xét nghiệm, kiểm nghiệm vệ sinh an toàn thực phẩm: quy mô có từ 10 cán bộ làm việc 100 % thời gian trở lên; riêng đối với các đơn vị tại Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Đà Nẵng phải có từ 15 cán bộ làm việc 100% thời gian trở lên.

(b) Cơ sở cung cấp dịch vụ kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm và sinh phẩm y tế; đánh giá sinh khả dụng và tương đương sinh học: quy mô có từ 10 cán bộ làm việc 100 % thời gian trở lên; riêng đối với các đơn vị tại Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Đà Nẵng phải có từ 15 cán bộ làm việc 100% thời gian trở lên.

3.2. Tiêu chí về tiêu chuẩn đối với cơ sở cung cấp dịch vụ xét nghiệm, kiểm nghiệm: theo tiêu chí và tiêu chuẩn do cấp có thẩm quyền ban hành.

B. Mức độ ưu đãi về thuế của các loại hình dịch vụ phụ trợ trong các cơ sở y tế

1. Cơ sở dịch vụ giặt là, vệ sinh nằm trong khuôn viên của bệnh viện.
2. Cơ sở dịch vụ ăn, uống nằm trong khuôn viên của bệnh viện.
3. Cơ sở dịch vụ cung ứng thuốc nằm trong khuôn viên của bệnh viện.
4. Cơ sở dịch vụ vận chuyển bệnh nhân.

5. Cơ sở dịch vụ nhà nghỉ cho người nhà bệnh nhân nằm trong khuôn viên của bệnh viện.

IV. Danh mục loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực văn hoá, thể thao và du lịch

A. Lĩnh vực văn hóa

STT	Danh mục các loại hình xã hội hóa (cơ sở xã hội hoá)	Tiêu chí về quy mô	Tiêu chuẩn chất lượng
1	Di sản văn hóa		
1.1	Bảo tàng tư nhân	<ul style="list-style-type: none"> + Có số lượng tài liệu, hiện vật gốc từ 100 đơn vị trở lên (đã được đăng ký tại Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch địa phương theo quy định của pháp luật) và các sưu tập hiện vật được sở hữu hợp pháp. + Mở cửa thường xuyên phục vụ khách tham quan tối thiểu 5 ngày/tuần. 	<ul style="list-style-type: none"> + Được thành lập và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. + Có sưu tập hiện vật phù hợp với nội dung, hoạt động của bảo tàng. + Có nhà bảo tàng và trang thiết bị kỹ thuật bảo đảm cho bảo quản và trưng bày. + Có đội ngũ cán bộ và nhân viên am hiểu chuyên môn nghiệp vụ bảo tàng. Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp. + Mở cửa thường xuyên phục vụ công chúng, tổ chức các hoạt động văn hóa, dịch vụ phục vụ cộng đồng phù hợp với nội dung hoạt động, có hiệu quả và theo đúng quy định của pháp luật.

STT	Danh mục các loại hình xã hội hóa (cơ sở xã hội hoá)	Tiêu chí về quy mô	Tiêu chuẩn chất lượng
1.2	Cơ sở bảo tồn và hành nghề truyền thống	<ul style="list-style-type: none"> + Đội ngũ lao động thực hành nghề truyền thống từ 5 người trở lên, trong đó ít nhất có 01 nghệ nhân. Có số người học nghề từ 5 người trở lên. + Diện tích nhà xưởng, nơi trưng bày, giới thiệu sản phẩm tối thiểu là 100m², đảm bảo an toàn lao động và vệ sinh môi trường. 	<ul style="list-style-type: none"> + Được công nhận về mặt pháp lý và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. + Có nghệ nhân nắm vững kỹ năng và bí quyết nghề nghiệp, có kinh nghiệm truyền dạy nghề truyền thống. Có đội ngũ lao động thành thạo các kỹ năng, kỹ thuật của nghề truyền thống. + Người đứng đầu đơn vị phải hiểu biết về nghề, có năng lực quản lý và tổ chức thực hành và truyền dạy nghề truyền thống. + Có không gian, diện tích nhà xưởng, nơi trưng bày, giới thiệu sản phẩm. + Các sản phẩm được cấp giấy chứng nhận hoặc công nhận của cơ quan có thẩm quyền về chất lượng và giá trị văn hóa truyền thống. + Tuân thủ quy tắc đạo đức nghề nghiệp. Đảm bảo tính độc lập, tự chủ và sáng tạo của nghệ nhân.
1.3	Cơ sở trình diễn/ diễn xướng dân gian	<ul style="list-style-type: none"> + Có đội ngũ những người thực hành diễn xướng dân gian theo quy định của loại hình nghệ thuật trình diễn trong đó ít nhất có 1 nghệ nhân và 5 người thường xuyên tham gia trình diễn. + Có chương trình biểu diễn phục vụ công chúng với thời lượng chương trình ít nhất là 45 phút. + Có số người học nghề từ 5 người trở lên. + Nơi luyện tập và trình diễn cho công chúng có diện tích tối thiểu là 100m². 	<ul style="list-style-type: none"> + Được công nhận về mặt pháp lý và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. + Người đứng đầu đơn vị phải hiểu biết về nghề, có năng lực quản lý và tổ chức hoạt động thực hành trình diễn. Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp. + Có đội ngũ những người thực hành diễn xướng dân gian. Có nghệ nhân nắm giữ bí quyết, kỹ năng, kỹ thuật và thực hành diễn xướng dân gian. + Có địa điểm để luyện tập, truyền dạy và trình diễn cho công chúng.

STT	Danh mục các loại hình xã hội hóa (cơ sở xã hội hoá)	Tiêu chí về quy mô	Tiêu chuẩn chất lượng
1.4	Cơ sở tổ chức thi công bảo quản tu bổ và phục hồi di tích	<ul style="list-style-type: none"> + Có từ 2 kiến trúc sư và kỹ sư xây dựng trở lên, được bồi dưỡng kiến thức bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích do cơ quan quản lý nhà nước về di sản văn hóa và trường đại học chuyên ngành tổ chức. + Hàng năm có từ 2 công trình tu bổ, tôn tạo di tích được thực hiện và hoàn thành. Các công trình phải được thẩm định, nghiệm thu theo quy định của pháp luật. 	<ul style="list-style-type: none"> + Được thành lập và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. + Có chức năng thi công bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích có đăng ký hoạt động tại cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ thuế theo quy định của pháp luật. + Có đội ngũ lao động thành thạo trong việc sử dụng kỹ thuật truyền thống trong việc tu bổ di tích. Tuân thủ quy tắc đạo đức nghề nghiệp
1.5	Cơ sở nghiên cứu và đào tạo về bảo tồn di sản văn hóa	<ul style="list-style-type: none"> - Có số lượng học viên tham gia mỗi chương trình đào tạo tối thiểu là 45 học viên. - Diện tích phòng học lý thuyết tối thiểu đạt 1,3m²/học viên. Diện tích cơ sở thực hành bảo tồn tối thiểu đạt 2,5m²/ học viên. - Có tối thiểu 5 nghiên cứu viên và 10 giảng viên và cộng tác viên về bảo tồn di sản văn hóa 	<ul style="list-style-type: none"> - Được thành lập và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. - Người đứng đầu cơ sở phải có kinh nghiệm trong lĩnh vực bảo tồn, có năng lực quản lý và tổ chức điều hành hoạt động của cơ sở theo quy định của pháp luật. - Cơ sở vật chất và trang thiết bị phù hợp với việc nghiên cứu và đào tạo về bảo tồn di sản. - Có đội ngũ nghiên cứu viên và giảng dạy đạt tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật.

STT	Danh mục các loại hình xã hội hóa (cơ sở xã hội hoá)	Tiêu chí về quy mô	Tiêu chuẩn chất lượng
2	Điện ảnh		
2.1	- Cơ sở sản xuất phim	+ Sản xuất ít nhất 1 phim/năm	+ 50% phim sản xuất được đạt bậc II trở lên.
2.2	- Cơ sở dịch vụ sản xuất phim	+ Cung cấp ít nhất 1 dịch vụ sản xuất phim/năm	+ Cung cấp đủ phương tiện, trang thiết bị kỹ thuật, bối cảnh và nhân lực cho việc sản xuất phim.
2.3	- Cơ sở xuất khẩu phim	+ Thực hiện ít nhất 4 phim/năm	+ 50% phim xuất khẩu đạt loại khá (bậc II) trở lên.
2.4	- Cơ sở chiếu phim và video	+ Thực hiện ít nhất 60 buổi chiếu/năm	- Bảo đảm tiêu chuẩn kỹ thuật của rạp chiếu phim theo quy định của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch.
3	Nghệ thuật biểu diễn		
3.1	- Các đơn vị nghệ thuật sân khấu (Tuồng, Chèo, Cải lương, Múa rối, Xiếc, Kịch, Dân ca) và các đơn vị nghệ thuật Ca - Múa - Nhạc dân tộc, Giao hưởng hợp xướng Opera, Balê.	<p>+ Có đội ngũ diễn viên ổn định (hợp đồng dài hạn) tối thiểu là 10 người (đối với đơn vị loại hình ca múa nhạc); trong đó tối thiểu 70% diễn viên đã được đào tạo tại các cơ sở đào tạo nghệ thuật chuyên nghiệp hoặc đạt giải thưởng tại các cuộc thi về nghệ thuật biểu diễn không chuyên cấp Bộ, ngành.</p> <p>+ Lãnh đạo đơn vị phải có tối thiểu 01 người có trình độ từ trung cấp trở lên về chuyên ngành nghệ thuật biểu diễn hoặc là hội viên các Hội Nhạc sĩ, Hội Nghệ sĩ múa hoặc Hội Nghệ sĩ sân khấu.</p> <p>+ Tổng diện tích trụ sở làm việc, luyện tập tối thiểu 200m² (đối với khu vực thành phố), tối thiểu 300m² (đối với khu vực khác).</p>	<p>+ Có đủ trang thiết bị âm thanh, ánh sáng phục vụ biểu diễn trong nhà cũng như ngoài trời.</p> <p>+ Có tối thiểu 03 năm hoạt động biểu diễn và tổ chức biểu diễn chuyên nghiệp.</p> <p>+ Có tối thiểu là 200 buổi biểu diễn (trong 03 năm), mỗi buổi có thời lượng tối thiểu 60 phút.</p> <p>+ Có tối thiểu 05 vở diễn hoặc 05 chương trình nghệ thuật đã được Cục Nghệ thuật biểu diễn hoặc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp phép công diễn.</p>

STT	Danh mục các loại hình xã hội hóa (cơ sở xã hội hoá)	Tiêu chí về quy mô	Tiêu chuẩn chất lượng
4	Văn hóa cơ sở		
4.1	- Trung tâm văn hóa ngoài công lập cấp huyện, cấp xã	+ Thực hiện xã hội hóa, góp vốn, huy động vốn theo quy định của pháp luật. + Có diện tích đất tối thiểu: cấp huyện là 2.500 m ² , cấp xã 1.000 m ² + Địa phương có quy hoạch.	+ Theo quy chế mẫu về tổ chức, hoạt động của Trung tâm văn hóa cấp huyện, cấp xã do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành. + Nâng cấp về cơ sở vật chất, trang thiết bị và mở rộng loại hình hoạt động, đối tượng phục vụ.
4.2	- Khu văn hóa đa năng ngoài công lập.	+ Hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, dự án độc lập. + Có diện tích đất tối thiểu là 2.500 m ² + Địa phương có quy hoạch.	+ Tổ chức nhiều loại hình văn hóa, các dịch vụ văn hóa, thể thao, thương mại, du lịch, vui chơi giải trí công nghệ cao, phục vụ theo nhu cầu của các nhóm đối tượng.
4.3	- Nhà văn hóa ngoài công lập hoạt động ở nông thôn	+ Phạm vi hoạt động cấp xã hoặc cấp vùng. + Có diện tích tối thiểu nhà 200 m ² , đất 2.000 m ² + Địa phương có quy hoạch.	+ Có 03 lao động quản lý thường xuyên. + Có số buổi hoạt động tối thiểu 120 buổi/năm.
4.4	- Nhà văn hóa ngoài công lập hoạt động ở khu vực huyện thị	+ Phạm vi hoạt động cấp xã hoặc cấp vùng. + Có diện tích tối thiểu nhà 200 m ² , đất 2.000 m ² + Địa phương có quy hoạch.	+ Có 03 lao động quản lý thường xuyên. + Có số buổi hoạt động tối thiểu 120 buổi/năm.
4.5	- Nhà văn hóa ngoài công lập hoạt động ở các quận, thành phố	+ Phạm vi hoạt động cấp xã hoặc cấp vùng. + Có diện tích tối thiểu nhà 150 m ² , đất 1.000 m ² + Địa phương có quy hoạch.	+ Có 03 lao động quản lý thường xuyên. + Có số buổi hoạt động tối thiểu 120 buổi/năm.

STT	Danh mục các loại hình xã hội hóa (cơ sở xã hội hoá)	Tiêu chí về quy mô	Tiêu chuẩn chất lượng
5	Mỹ thuật nhiếp ảnh và Triển lãm		
5.1	Bảo tàng mỹ thuật	+ Diện tích tối thiểu 250 m ² bao gồm diện tích trưng bày, khuôn viên, kho tàng, khu phụ trợ.	<ul style="list-style-type: none"> - Dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt. - Có tối thiểu 200 tác phẩm nghệ thuật đạt chất lượng nghệ thuật cao được Hội đồng nghệ thuật chuyên ngành thẩm định.
5.2	Vườn tượng	+ Diện tích tối thiểu 3.000 m ² bao gồm diện tích trưng bày, khuôn viên, khu phụ trợ.	<ul style="list-style-type: none"> + Dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt. + Có tối thiểu 50 tác phẩm chất liệu bền vững đạt chất lượng nghệ thuật cao được Hội đồng nghệ thuật chuyên ngành thẩm định.
5.3	- Trung tâm bảo tồn, phát triển mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm văn hóa nghệ thuật.	+ Diện tích tối thiểu 350 m ²	<ul style="list-style-type: none"> + Dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt. + Có giấy phép của cơ quan văn hóa, thể thao và du lịch.

STT	Danh mục các loại hình xã hội hóa (cơ sở xã hội hoá)	Tiêu chí về quy mô	Tiêu chuẩn chất lượng
6	Thư viện		
6.1	- Thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng	<ul style="list-style-type: none"> + Số lượng bản sách ít nhất 500 bản. + Tên ấn phẩm định kỳ (báo, tạp chí) ít nhất 1 tên. + Kho: Đáp ứng yêu cầu lưu giữ vốn tài liệu hiện có và vốn tài liệu sẽ phát triển sau 3 – 5 năm với diện tích 1,5m²/ 01 đơn vị tài liệu. + Số chỗ ngồi đọc tối thiểu: 10 chỗ với diện tích 1,0m²/ 01 chỗ ngồi đọc. + Trang thiết bị chuyên dùng: Có đủ giá sách để lưu giữ số sách, báo hiện có; bàn ghế cho người đọc; hộp mục lục hoặc bản danh mục tài liệu của thư viện. 	+ Thư viện được thành lập theo Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Phòng Văn hoá thông tin cấp huyện hoặc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (nơi thư viện đặt trụ sở) cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thư viện.

B. Lĩnh vực thể dục thể thao

STT	Danh mục các loại hình xã hội hóa (cơ sở xã hội hoá)	Tiêu chí về quy mô	Tiêu chuẩn chất lượng
1	Cơ sở đào tạo, huấn luyện vận động viên thể thao (năng khiếu và thành tích cao)	<ul style="list-style-type: none"> + Diện tích tối thiểu 200m² đối với cơ sở trong nhà, 1000m² đối với cơ sở ngoài trời. + Quy mô đào tạo tối thiểu 20 vận động viên/năm. 	<ul style="list-style-type: none"> + Được thành lập theo quyết định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền. + Có hệ thống cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ tập luyện thể thao. + Có nguồn kinh phí đảm bảo hoạt động. + Có đội ngũ cán bộ quản lý, huấn luyện viên, hướng dẫn viên được cấp chứng chỉ.

STT	Danh mục các loại hình xã hội hóa (cơ sở xã hội hoá)	Tiêu chí về quy mô	Tiêu chuẩn chất lượng
			<ul style="list-style-type: none"> + Có dịch vụ chăm sóc sức khỏe, chữa trị chấn thương, đảm bảo an toàn cho vận động viên trong quá trình tập luyện. + Có các dịch vụ hậu cần phục vụ vận động viên. + Có lớp học văn hóa hoặc phối hợp với các trường phổ thông đảm bảo học văn hóa cho vận động viên.
2	Sân thể thao, bao gồm: sân điền kinh, sân bóng đá, sân bóng chuyền, sân cầu lông, sân quần vợt, sân bóng rổ, sân bóng ném, sân tập, sân vận động, khu liên hợp thể thao	<ul style="list-style-type: none"> + Diện tích tối thiểu 100 m² đối với sân tập loại nhỏ; 500 m² đối với sân tập loại trung bình trở lên. + Quy mô thiết kế, xây dựng đáp ứng quy định tại tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam TCXDVN 287-2004. 	<ul style="list-style-type: none"> + Được thành lập theo quyết định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền. + Có ban quản lý chịu trách nhiệm quản lý, duy tu, bảo quản, vận hành sân vận động. + Có đội ngũ nhân viên chuyên môn được cấp chứng chỉ. + Có các dịch vụ phục vụ tập luyện, thi đấu thể thao tại địa phương. + Đáp ứng các quy định về an toàn, phòng chống cháy, nổ và vệ sinh môi trường. + Dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
3	Bể bơi, bể nhảy cầu, bể vẫy, bể hỗn hợp, câu lạc bộ bơi lội, câu lạc bộ thể thao dưới nước	<ul style="list-style-type: none"> + Diện tích tối thiểu 400 m². + Quy mô thiết kế, xây dựng đáp ứng quy định tại tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam TCXDVN 288-2004. 	<ul style="list-style-type: none"> + Có ban quản lý chịu trách nhiệm quản lý, duy tu, bảo quản, vận hành công trình. + Có đội ngũ nhân viên chuyên môn được đào tạo, có chứng chỉ chuyên môn. + Có đội ngũ nhân viên cứu hộ. + Có hệ thống xử lý nước thải bảo đảm các quy định về vệ sinh, môi trường. + Dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt. + Được thành lập theo quyết định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền (đối với câu lạc bộ bơi lội, câu lạc bộ thể thao dưới nước).

STT	Danh mục các loại hình xã hội hóa (cơ sở xã hội hoá)	Tiêu chí về quy mô	Tiêu chuẩn chất lượng
4	Nhà tập luyện thể thao	<ul style="list-style-type: none"> + Diện tích tối thiểu 100 m² có mái che đối với nhà tập đơn môn; 200 m² có mái che đối với nhà tập đa môn. + Quy mô thiết kế, xây dựng đáp ứng các quy định tại tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam TCXDVN 281-2004. 	<ul style="list-style-type: none"> + Có ban quản lý và đội ngũ nhân viên được đào tạo, cấp chứng chỉ chuyên môn. + Trang thiết bị phục vụ tập luyện đáp ứng các tiêu chuẩn chuyên môn của từng môn do liên đoàn, hiệp hội thể thao quốc gia quy định. + Có các hạng mục phụ trợ (phòng vệ sinh, phòng thay quần áo...). + Tổ chức các hoạt động thể dục thể thao phục vụ cộng đồng. + Dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
5	Liên đoàn, hiệp hội thể thao	<ul style="list-style-type: none"> + Cấp quốc gia, cấp ngành hoặc cấp tỉnh, thành phố. + Thành lập và hoạt động theo quy định tại các Điều 70 và 71 của Luật Thể dục, thể thao. 	<ul style="list-style-type: none"> + Được thành lập theo quyết định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền. + Có bộ máy tổ chức, trụ sở và kinh phí hoạt động theo quy định hiện hành.
6	Câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> + Thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều 11 của Luật Thể dục, thể thao và các quy định pháp luật liên quan. 	<ul style="list-style-type: none"> + Được thành lập theo quyết định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền; được cấp chứng nhận hoạt động theo quy định tại điều 51, Luật Thể dục, thể thao. + Có trụ sở hoạt động và hệ thống cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ tập luyện, tổ chức thi đấu đáp ứng các tiêu chuẩn chuyên môn do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Liên đoàn, Hiệp hội thể thao quốc gia liên quan quy định. + Có ban điều hành câu lạc bộ và đội ngũ huấn luyện viên, hướng dẫn viên thể dục thể thao chuyên nghiệp, đội ngũ nhân viên y học, nhân viên phục vụ có chứng chỉ chuyên môn. + Có nguồn kinh phí đảm bảo hoạt động.

STT	Danh mục các loại hình xã hội hóa (cơ sở xã hội hoá)	Tiêu chí về quy mô	Tiêu chuẩn chất lượng
7	Đơn vị sản xuất dụng cụ thể dục thể thao	+ Được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp. + Sản xuất, cung ứng các dụng cụ, trang thiết bị thể dục thể thao phục vụ nhu cầu tiêu dùng trong nước.	- Đáp ứng các quy định tại Điều 55, Luật Thể dục, thể thao và các quy định pháp luật liên quan, - Được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể dục thể thao.
8	Cơ sở lưu trú, ký túc xá của vận động viên thể thao	+ Các cơ sở phải nằm trong khuôn viên của trung tâm thể thao, khu liên hợp thể thao và trực thuộc trung tâm thể thao, khu liên hiệp thể thao. + Có tối thiểu 10 phòng, 20 giường.	+ Có ban quản lý và đội ngũ cán bộ, nhân viên phục vụ, + Có các hạng mục phụ trợ phục vụ sinh hoạt của vận động viên, + Đảm bảo vệ sinh môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm (nếu có tổ chức dịch vụ ăn uống đối với vận động viên), + Dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

V. Danh mục loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực môi trường

STT	Loại hình nghề nghiệp	Quy mô theo yêu cầu thực tiễn hiện nay	Tiêu chuẩn cán bộ	Nhu cầu cấp đất	Yêu cầu về cơ sở vật chất, năng lực, công nghệ của cơ sở	Ghi chú
1	Cơ sở thu gom, vận chuyển rác thải	Theo quy hoạch quản lý chất thải đã được cơ quan chức năng có thẩm quyền phê duyệt	Phụ trách cơ sở và vị trí chủ chốt phải có trình độ kỹ sư (hoặc tương đương) các ngành: xây dựng, công nghệ môi trường, quản lý môi trường.	- Phải căn cứ vào hiện trạng sử dụng đất và quy hoạch, kế hoạch phát triển của cơ sở ở địa phương. (1) - Phải được xác định cụ thể cho từng công trình thuộc cơ sở quản	- Đã được cấp phép về đầu tư theo quy định của pháp luật; năng lực về công nghệ đã được đăng ký do cấp có thẩm quyền phê duyệt và có năng lực về tài chính; - Lập báo cáo tác động môi trường;	(1) Thông tư số 05/2007/TT-BTNMT ngày 30 tháng 5 năm 2007 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn các trường hợp được

STT	Loại hình nghề nghiệp	Quy mô theo yêu cầu thực tiễn hiện nay	Tiêu chuẩn cán bộ	Nhu cầu cấp đất	Yêu cầu về cơ sở vật chất, năng lực, công nghệ của cơ sở	Ghi chú
				lý và phải báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp (thông qua cơ quan Tài nguyên và Môi trường) và cơ quan quản lý của cấp trên trực tiếp. (1)	- Đã đi vào hoạt động, được cơ quan chức năng có thẩm quyền xác nhận đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy chuẩn kỹ thuật địa phương.	ưu đãi về sử dụng đất và việc quản lý đất đai đối với các cơ sở giáo dục - đào tạo, y tế, văn hoá, thể dục - thể thao, khoa học - công nghệ, môi trường, xã hội, dân số, gia đình, bảo vệ và chăm sóc trẻ em
2	Cơ sở xử lý rác thải	Theo quy hoạch quản lý chất thải đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt	Phụ trách cơ sở và vị trí chủ chốt phải có trình độ kỹ sư (hoặc tương đương) các ngành: xây dựng, công nghệ môi trường, quản lý môi trường.	- Phải căn cứ vào hiện trạng sử dụng đất và quy hoạch, kế hoạch phát triển của cơ sở ở địa phương. (1) - Phải được xác định cụ thể cho từng công trình thuộc cơ sở quản lý và phải báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp (thông qua cơ quan Tài nguyên và Môi trường) và cơ quan quản lý của cấp trên trực tiếp. (1)	- Đã được cấp phép về đầu tư theo quy định của pháp luật; năng lực về công nghệ đã được đăng ký do cấp có thẩm quyền phê duyệt và có năng lực về tài chính. - Lập báo cáo tác động môi trường. - Đã đi vào hoạt động, được cơ quan chức năng có thẩm quyền xác nhận đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy chuẩn kỹ thuật địa phương.	

STT	Loại hình nghề nghiệp	Quy mô theo yêu cầu thực tiễn hiện nay	Tiêu chuẩn cán bộ	Nhu cầu cấp đất	Yêu cầu về cơ sở vật chất, năng lực, công nghệ của cơ sở	Ghi chú
3	Cơ sở thu gom, vận chuyển chất thải rắn nguy hại (kể cả chất thải y tế)	Theo quy hoạch quản lý chất thải rắn nguy hại do cơ quan quản lý nhà nước ngành xây dựng quy định, phê duyệt (2)	Phụ trách cơ sở và vị trí chủ chốt phải có trình độ kỹ sư (hoặc tương đương) các ngành: công nghệ môi trường, kinh tế môi trường, quản lý môi trường, bác sĩ y tế cộng đồng.	<ul style="list-style-type: none"> - Phải căn cứ vào hiện trạng sử dụng đất và quy hoạch, kế hoạch phát triển của cơ sở ở địa phương. (1) - Phải được xác định cụ thể cho từng công trình thuộc cơ sở quản lý và phải báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp (thông qua cơ quan Tài nguyên và Môi trường) và cơ quan quản lý của cấp trên trực tiếp. (1) 	<ul style="list-style-type: none"> - Đủ điều kiện về đầu tư theo yêu cầu của pháp luật; năng lực về công nghệ đã được đăng ký và cấp có thẩm quyền phê duyệt và có năng lực tài chính. - Lập báo cáo tác động môi trường. - Đã đi vào hoạt động, được cơ quan chức năng có thẩm quyền xác nhận đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy chuẩn kỹ thuật địa phương. 	(2) Thông tư số 13/2007/TT-BXD của Bộ Xây dựng ngày 31 tháng 12 năm 2007 hướng dẫn một số Điều của Nghị định số 59/2007/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về quản lý chất thải rắn.
4	Cơ sở xử lý chất thải rắn nguy hại (kể cả chất thải y tế)	Theo quy hoạch quản lý chất thải rắn nguy hại do cơ quan quản lý nhà nước ngành xây dựng quy định, phê duyệt (2)	Phụ trách cơ sở và vị trí chủ chốt phải có trình độ kỹ sư (hoặc tương đương) các ngành: công nghệ môi trường, kinh tế môi trường, quản lý môi trường, bác sĩ y tế cộng đồng.	<ul style="list-style-type: none"> - Phải căn cứ vào hiện trạng sử dụng đất và quy hoạch, kế hoạch phát triển của cơ sở ở địa phương. (1) - Phải được xác định cụ thể cho từng công trình thuộc cơ sở quản 	<ul style="list-style-type: none"> - Đủ điều kiện về đầu tư theo yêu cầu của pháp luật; năng lực về công nghệ đã được đăng ký và cấp có thẩm quyền phê duyệt và có năng lực tài chính. - Lập báo cáo tác động môi trường. 	

STT	Loại hình nghề nghiệp	Quy mô theo yêu cầu thực tiễn hiện nay	Tiêu chuẩn cán bộ	Nhu cầu cấp đất	Yêu cầu về cơ sở vật chất, năng lực, công nghệ của cơ sở	Ghi chú
				lý và phải báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp (thông qua cơ quan Tài nguyên và Môi trường) và cơ quan quản lý của cấp trên trực tiếp. (1)	- Đã đi vào hoạt động, được cơ quan chức năng có thẩm quyền xác nhận đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy chuẩn kỹ thuật địa phương.	
5	Cơ sở xử lý nước thải sinh hoạt tập trung	Phục vụ cho khu vực dân cư từ 50 hộ trở lên (hoặc các đối tượng phải lập báo cáo tác động môi trường theo quy định của pháp luật); phù hợp với quy hoạch đã được cơ quan chức năng có thẩm quyền phê duyet.	Phụ trách cơ sở và vị trí chủ chốt phải có trình độ kỹ sư các ngành: hoá, công nghệ môi trường, kinh tế môi trường, quản lý môi trường, xây dựng.	- Phải căn cứ vào hiện trạng sử dụng đất và quy hoạch, kế hoạch phát triển của cơ sở ở địa phương. (1) - Phải được xác định cụ thể cho từng công trình thuộc cơ sở quản lý và phải báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp (thông qua cơ quan Tài nguyên và Môi trường) và cơ quan quản lý của cấp trên trực tiếp. (1)	- Đủ điều kiện về đầu tư theo yêu cầu của pháp luật; năng lực về công nghệ đã được đăng ký và cấp có thẩm quyền phê duyệt và có năng lực tài chính. - Lập báo cáo tác động môi trường. - Đã đi vào hoạt động, được cơ quan chức năng có thẩm quyền xác nhận đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy chuẩn kỹ thuật địa phương. - Cơ sở phải đảm bảo tính ổn định và thuận tiện khi khai thác, sử dụng.	

STT	Loại hình nghề nghiệp	Quy mô theo yêu cầu thực tiễn hiện nay	Tiêu chuẩn cán bộ	Nhu cầu cấp đất	Yêu cầu về cơ sở vật chất, năng lực, công nghệ của cơ sở	Ghi chú
6	Cơ sở xử lý nước thải sinh hoạt quy mô nhỏ phân tán	Phục vụ cho khu vực dân cư đến 50 hộ gia đình (hoặc đối tượng sản xuất, kinh doanh, dịch vụ quy mô hộ gia đình và các đối tượng không phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật)	Phụ trách cơ sở có trình độ kỹ sư, trung cấp (hoặc tương đương) các ngành: công nghệ môi trường, xây dựng.	Căn cứ vào hiện trạng sử dụng đất và quy hoạch của cơ sở tại địa bàn.	<ul style="list-style-type: none"> - Đủ điều kiện về đầu tư theo yêu cầu của pháp luật; năng lực về công nghệ đã được đăng ký và cấp có thẩm quyền phê duyệt; - Cơ sở phải thực hiện cam kết bảo vệ môi trường theo quy định. 	
7	Cơ sở xây dựng hệ thống nhà vệ sinh công cộng tại các đô thị	Phù hợp với yêu cầu sinh hoạt và quy hoạch của cơ quan có thẩm quyền tại khu vực dân cư và cộng đồng.	Phụ trách cơ sở và vị trí chủ chốt phải có trình độ kỹ sư (hoặc tương đương) các ngành: xây dựng, công nghệ môi trường.	<ul style="list-style-type: none"> - Phải căn cứ vào hiện trạng sử dụng đất và quy hoạch, kế hoạch phát triển của cơ sở ở địa phương. (1) - Phải được xác định cụ thể cho từng công trình thuộc cơ sở quản lý và phải báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp (thông qua cơ quan Tài nguyên và Môi trường) và cơ quan quản lý của cấp trên trực tiếp. (1) 	<ul style="list-style-type: none"> - Đủ điều kiện về đầu tư theo yêu cầu của pháp luật; năng lực về công nghệ đã được đăng ký và cấp có thẩm quyền phê duyệt và có năng lực tài chính. - Lập báo cáo tác động môi trường. - Đã đi vào hoạt động, được cơ quan chức năng có thẩm quyền xác nhận đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy chuẩn kỹ thuật địa phương. - Bảo đảm các điều kiện vệ sinh trong sinh hoạt cao, trữ rác hợp vệ sinh. 	

STT	Loại hình nghề nghiệp	Quy mô theo yêu cầu thực tiễn hiện nay	Tiêu chuẩn cán bộ	Nhu cầu cấp đất	Yêu cầu về cơ sở vật chất, năng lực, công nghệ của cơ sở	Ghi chú
8	Cơ sở sản xuất năng lượng tái tạo từ sức gió, ánh sáng mặt trời, thủy triều, địa nhiệt, năng lượng sinh học, sản xuất năng lượng sạch từ việc tiêu hủy chất thải ô nhiễm môi trường	Theo quy hoạch quản lý theo từng lĩnh vực đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.	Phụ trách cơ sở và vị trí chủ chốt phải có trình độ kỹ sư (hoặc tương đương) thuộc các ngành: công nghệ môi trường, năng lượng, cơ khí, cơ điện tử, điện, vật lý, sinh học.	<ul style="list-style-type: none"> - Phải căn cứ vào hiện trạng sử dụng đất và quy hoạch, kế hoạch phát triển của cơ sở ở địa phương. (1) - Phải được xác định cụ thể cho từng công trình thuộc cơ sở quản lý và phải báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp (thông qua cơ quan Tài nguyên và Môi trường) và cơ quan quản lý của cấp trên trực tiếp. (1) 	<ul style="list-style-type: none"> - Đủ điều kiện về đầu tư theo yêu cầu của pháp luật; năng lực về công nghệ đã được đăng ký và cấp có thẩm quyền phê duyệt và có năng lực tài chính. - Lập báo cáo tác động môi trường. - Đã đi vào hoạt động, được cơ quan chức năng có thẩm quyền xác nhận đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy chuẩn kỹ thuật địa phương. 	
9	Cơ sở hoá táng, điện táng	Phù hợp với quy hoạch được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.	Phụ trách cơ sở và vị trí chủ chốt phải có trình độ kỹ sư (hoặc tương đương) thuộc các ngành: hoá, vật lý, sinh học, công nghệ môi trường, điện.	<ul style="list-style-type: none"> - Phải căn cứ vào hiện trạng sử dụng đất và quy hoạch, kế hoạch phát triển của cơ sở ở địa phương; (1) - Phải được xác định cụ thể cho từng công trình thuộc cơ sở quản lý và phải báo cáo Ủy 	<ul style="list-style-type: none"> - Đủ điều kiện về đầu tư theo yêu cầu của pháp luật; năng lực về công nghệ đã được đăng ký và cấp có thẩm quyền phê duyệt và có năng lực tài chính. - Lập báo cáo tác động môi trường. 	

STT	Loại hình nghề nghiệp	Quy mô theo yêu cầu thực tiễn hiện nay	Tiêu chuẩn cán bộ	Nhu cầu cấp đất	Yêu cầu về cơ sở vật chất, năng lực, công nghệ của cơ sở	Ghi chú
				ban nhân dân cùng cấp (thông qua cơ quan Tài nguyên và Môi trường) và cơ quan quản lý của cấp trên trực tiếp. (1)	<ul style="list-style-type: none"> - Đã đi vào hoạt động, được cơ quan chức năng có thẩm quyền xác nhận đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy chuẩn kỹ thuật địa phương. - Cơ sở phải đảm bảo mỹ quan, độ bền vững, an toàn, tính ổn định, có các biện pháp xử lý nhanh, triệt để các sự cố về môi trường. 	
10	Cơ sở cung cấp nước sạch	Phù hợp với quy hoạch được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.	Phụ trách cơ sở và vị trí chủ chốt phải có trình độ kỹ sư (hoặc tương đương) thuộc các ngành: xây dựng, cấp thoát nước.	<ul style="list-style-type: none"> - Phải căn cứ vào hiện trạng sử dụng đất và quy hoạch, kế hoạch phát triển của cơ sở ở địa phương; (1) - Phải được xác định cụ thể cho từng công trình thuộc cơ sở quản lý và phải báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp (thông qua cơ quan Tài nguyên và Môi trường) và cơ quan quản lý của cấp trên trực tiếp. (1) 	<ul style="list-style-type: none"> - Đủ điều kiện về đầu tư theo yêu cầu của pháp luật; năng lực về công nghệ đã được đăng ký và cấp có thẩm quyền phê duyệt và có năng lực tài chính. - Lập báo cáo tác động môi trường. - Đã đi vào hoạt động, được cơ quan chức năng có thẩm quyền xác nhận đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy chuẩn kỹ thuật địa phương. 	

STT	Loại hình nghề nghiệp	Quy mô theo yêu cầu thực tiễn hiện nay	Tiêu chuẩn cán bộ	Nhu cầu cấp đất	Yêu cầu về cơ sở vật chất, năng lực, công nghệ của cơ sở	Ghi chú
11	Cơ sở quan trắc và phân tích môi trường	Quy mô vùng trở lên, phù hợp với quy hoạch được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt	Phụ trách cơ sở và vị trí chủ chốt phải có trình độ kỹ sư (hoặc tương đương) thuộc các ngành: hoá phân tích, địa chất, công nghệ môi trường, quản lý môi trường.	<p>Phải căn cứ vào hiện trạng sử dụng đất và quy hoạch, kế hoạch phát triển của cơ sở ở địa phương. (1)</p> <p>- Phải được xác định cụ thể cho từng công trình thuộc cơ sở quản lý và phải báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp (thông qua cơ quan Tài nguyên và Môi trường) và cơ quan quản lý của cấp trên trực tiếp. (1)</p>	<p>- Đủ điều kiện đầu tư theo quy định của pháp luật; năng lực về công nghệ đã được cấp đăng ký và cấp có thẩm quyền phê duyệt; bảo đảm năng lực về cán bộ, trang thiết bị kỹ thuật, năng lực về tài chính.</p> <p>- Có khả năng đo đạc, phân tích tất cả các thành phần môi trường cơ bản trong danh mục nhà nước quy định.</p>	